

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17.5.2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Võ Thị Ánh
 2. Ông Nguyễn Văn Đông
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đồng Thị D** sinh năm 1977
Trú tại: khu vực A, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.
2. Bị đơn: Anh **Dương Văn G** sinh năm 1974
Trú tại: khu vực A, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.
3. Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung:
Cháu **Dương Hoàng I** sinh ngày 20.6.2003
(đang sống với chị D; và do chị D là người giám hộ).

(*Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 11.02.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Đồng Thị D trình bày:*

Do tự nguyện quen biết và yêu thương nhau nên chị với anh Dương Văn G được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1994, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã H (cũ) nay là phường H,

quận T, thành phố Cần Thơ. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình chồng tại khu vực A, phường H, quận T đến khi vợ chồng ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cãi vã, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh G ham chơi mà không chí thú làm ăn nên từ năm 2012 chị D bỏ nhà đi làm thuê tại Bình Dương để sống ly thân với anh G từ đó đến nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung gồm Dương Văn B, sinh năm 1998 và Dương Hoàng I, sinh ngày 20.6.2003. Hiện cháu B đã trưởng thành, lao động bình thường, còn cháu I sống với chị D.

Về tài sản chung: Chị D yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Chị D trình bày không có.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Dương Văn G; *Về con chung*: Chị yêu cầu được quyền nuôi con chung Dương Hoàng I đến trưởng thành, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con; *Về tài sản chung*: chị yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng; *Về nợ chung*: không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 04.5.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Dương Văn G trình bày:*

Anh thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn chị Đồng Thị D về hôn nhân, con chung; ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Cụ thể: vào năm 1994 anh và chị D được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên hiện nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân, theo anh thì do tính tình không hòa hợp, chị D không quan tâm chăm sóc gia đình nên từ năm 2012 vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ với chị D để cùng nhau chăm lo cuộc sống gia đình; *Về con chung*: Nếu ly hôn thì anh đồng ý ổn định cho chị D được quyền nuôi cháu I đến trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con; *Về tài sản chung, nợ chung*: không có.

** Tại tờ tự khai ngày 28.3.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Dương Hoàng I trình bày:*

Cháu là con của cha là Dương Văn G và mẹ là Đồng Thị D. Hiện nay cháu đang sống chung với mẹ nên khi cha mẹ ly hôn thì cháu yêu cầu được tiếp tục sống với mẹ đến trưởng thành, không yêu cầu cha cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Đồng Thị D đối với bị đơn anh Dương Văn G; Ôn định cho chị D được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Dương Hoàng I đến trưởng thành, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Đồng Thị D với anh Dương Văn G tự nguyện yêu thương, được gia đình hai bên tác hợp và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (cũ) nay là phường H, quận T, thành phố Cần Thơ nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị Diễm có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Đồng Thị D và bị đơn anh Dương Văn G vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị D và anh G chung sống từ năm 1994, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị D thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay xảy ra cự cãi nên từ năm 2012 chị cùng cháu I về nhà cha mẹ ruột sống ly thân và đi làm thuê từ đó đến nay. Bị đơn anh Dương Văn G cho rằng mâu thuẫn là do chị D không quan tâm chăm sóc gia đình nên vợ chồng ly thân từ năm 2012, tuy nhiên hiện nay anh còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù các đương sự có những lời khai không thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng nhưng trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay; suốt thời gian qua vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị D với anh G đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung đã không tồn tại, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng thống nhất khai có 02 con chung là Dương Văn B, sinh năm 1998 và Dương Hoàng I, sinh ngày 20.6.2003. Trong đó cháu B đã trưởng thành, lao động bình thường; cháu Di chưa thành niên đang sống với chị Diễm. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Chị D có nguyện vọng được quyền nuôi cháu I đến trưởng thành, anh G đồng ý để chị D được quyền tiếp tục nuôi con. Điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu I yêu cầu được tiếp tục sống với mẹ, bởi suốt thời gian qua và hiện nay cháu vẫn liên tục sống với chị D, được sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ nên được Hội đồng xét xử

chấp nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự, điều này cũng phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Đồng Thị D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đồng Thị D đối với bị đơn anh Dương Văn D.

1. *Về hôn nhân*: Chị Đồng Thị D được ly hôn với anh Dương Văn D.

2. *Về con chung*: Chị Đồng Thị D được quyền nuôi con chung tên Dương Hoàng I, sinh ngày 20.6.2003 đến trưởng thành. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh G có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh G thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Đối với con chung tên Dương Văn B, sinh năm 1998 - đã trưởng thành, lao động bình thường nên Hội đồng xét xử không đề cập việc nuôi con và cấp dưỡng.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Đồng Thị D phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/004570 ngày 25.02.2019 được chuyển thành án phí. Chị D đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- UBND phường H
(nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền